

Số: /TB-UBND

Thanh Miện, ngày tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (Lĩnh vực phòng Kinh tế thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã)

Căn cứ Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 27/5/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng.

Chủ tịch UBND xã Thanh Miện Thông báo công khai Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (lĩnh vực phòng Kinh tế thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã), cụ thể như sau:

- Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: 17 thủ tục hành chính.
- Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 01 thủ tục hành chính.

(chi tiết có phụ lục I, phụ lục II đính kèm)

Chủ tịch UBND xã thông báo niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công và Cổng thông tin điện tử của UBND xã Thanh Miện tại địa chỉ: <https://thanhmien.haiphong.gov.vn>. để các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND xã;
- Trung tâm PVHCC xã;
- Công TTĐT xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Anh Tuấn

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thanh Miện)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG: SỞ XÂY DỰNG; BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ; ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
I	LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN						
1	1.014158	Phê duyệt quy hoạch, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (Sở Xây dựng; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo Biểu phí đính kèm	- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng. - Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							<p>quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; - Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT SỞ XÂY DỰNG

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
I	LĨNH VỰC KIẾN TRÚC						
1.	1.008891	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	300.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							<p>doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất,

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng; - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
2.	1.008990	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không thực hiện cắt giảm	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng; - Nghị định số

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.
3.	1.008991	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	04 ngày làm việc kể từ ngày	3,5 ngày làm việc kể từ ngày	- Trung tâm phục vụ hành chính công	150.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			nhận đủ hồ sơ hợp lệ	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
4.	1.008993	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	300.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							<p>chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							đền hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.
II	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ						
5.	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	<i>04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định</i>	<i>2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định</i>	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ; - <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc</i>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							<i>phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.</i>
6.	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	<i>04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.</i>	<i>2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định</i>	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố; - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ; - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.
7.	2.002285	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	<i>03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy</i>	<i>2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy</i>	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định	- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ; - Nghị quyết số

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			<i>định</i>	<i>định</i>	chính công cấp xã		24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.
8.	1.001777	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	- <i>Cấp Giấy phép đào tạo: 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.</i> - <i>Cấp Giấy phép xe tập lái: 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép</i>	Không thực hiện cắt giảm	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe; - <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.</i>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			<i>đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo.</i>				
9.	1.004993	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	<i>01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</i>	Không thực hiện cắt giảm	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe; - <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.</i>
10.	1.001623	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng	- <i>Thời hạn tổ chức kiểm tra thực tế: 04 ngày làm việc kể từ</i>	- <i>Thời hạn tổ chức kiểm tra thực tế: 2,5 ngày làm việc kể từ</i>	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định	- Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe; - <i>Nghị quyết số</i>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
		đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	<i>ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Thời hạn cấp lại Giấy phép: 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra</i>	<i>ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Thời hạn cấp lại Giấy phép: 1,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra</i>	chính công cấp xã		<i>24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.</i>
11.	1.013259	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	<i>04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định</i>	<i>2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định</i>	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							<p>nguy hiểm trên đường bộ;</p> <p>- Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;</p> <p>- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.</p>
12.	1.013260	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy	1,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định	- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
		khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	<i>định</i>	<i>định</i>	chính công cấp xã		<p>hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ;</p> <p>- Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;</p> <p>- <i>Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.</i></p>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
III LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG							
13.	1.013237	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	06 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đủ điều kiện.	04 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đủ điều kiện.	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	90.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13. - Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							<p>điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.</p> <p>- Thông tư số 156/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.</p>
14.	1.013219	Cấp chuyên đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	11 ngày làm việc kể từ ngày từ ngày	04 ngày làm việc kể từ ngày từ ngày thông	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố.	90.000 đồng/chứng chỉ	<p>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.</p> <p>- Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số</p>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
			<i>thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đủ điều kiện</i>	<i>báo kết quả đánh giá hồ sơ đủ điều kiện</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	<p>điều của Luật Xây dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi 	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							<p>quản lý của Bộ Xây dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 156/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.
15.	1.013222	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	06 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. 	500.000 đồng/giấy phép	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13. - Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							<p>điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Thông tư số 156/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
16.	1.013224	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	<i>06 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>	<i>04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</i>	- Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố. - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	500.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13. - Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. - Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. - Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí/lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			
							<p>cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 156/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ quy định cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

**BIỂU PHÍ TÍNH PHÍ THẨM ĐỊNH THEO THÔNG TƯ
SỐ 35/2023/TT-BTC NGÀY 31/5/2023 CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

Điều 4. Mức thu phí

1. Mức thu phí thẩm định các đồ án quy hoạch xây dựng thực hiện theo quy định tại Biểu mức thu phí dưới đây. Mức thu phí tính theo tỷ lệ % trên tổng chi phí lập từng đồ án quy hoạch đề nghị thẩm định (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Chi phí lập đồ án quy hoạch (triệu đồng)	≤200	500	700	1.000	2.000	5.000	7.000	≥10.000
Mức thu phí (tỷ lệ %)	12,3	9,7	8,4	7,5	5,5	3,9	3,2	2,8

2. Số phí thẩm định phải nộp được xác định theo công thức sau:

a) Số phí thẩm định phải nộp = Tổng chi phí lập từng đồ án quy hoạch đề nghị thẩm định (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) x Mức thu phí.

b) Trường hợp chi phí lập đồ án quy hoạch nằm trong khoảng giữa chi phí lập đồ án quy hoạch quy định tại Biểu mức thu phí nêu trên thì mức thu phí được xác định trên cơ sở chi phí lập đồ án của cận trên và cận dưới khoảng chi phí lập đồ án quy hoạch được quy định tại Biểu mức thu phí theo công thức sau:

$$N_t = N_b - \left\{ \frac{N_b - N_a}{G_b - G_a} \times (G_b - G_t) \right\}$$

Trong đó:

- N_t : Mức thu theo chi phí lập đồ án quy hoạch cần tính (đơn vị tính: tỷ lệ %).
- G_t : Chi phí lập đồ án quy hoạch cần tính mức thu (đơn vị tính: triệu đồng).
- G_a : Chi phí lập đồ án quy hoạch cận dưới quy mô cần tính mức thu (đơn vị tính: triệu đồng).
- G_b : Chi phí lập đồ án quy hoạch cận trên quy mô cần tính mức thu (đơn vị tính: triệu đồng).
- N_a : Mức thu phí tương ứng với G_a (đơn vị tính: tỷ lệ %).
- N_b : Mức thu phí tương ứng với G_b (đơn vị tính: tỷ lệ %).

3. Đối với đề án quy hoạch điều chỉnh theo quy định tại Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch:

a) Trường hợp điều chỉnh tổng thể

- Phạm vi điều chỉnh vượt quá quy mô diện tích và dân số của đề án đã được phê duyệt: Mức thu phí bằng 100% mức thu phí quy định tại khoản 1 Điều này.

- Phạm vi điều chỉnh không vượt quy mô diện tích hoặc dân số của đề án đã được phê duyệt: Mức thu phí bằng 80% mức thu phí quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp điều chỉnh cục bộ: Mức thu phí bằng 50% mức thu phí quy định tại khoản 1 Điều này.

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI
BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ
XÂY DỰNG

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày
/5/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thanh Miện)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ		
1	1.008992	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng;